

Số: *113* /2025/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày *25* tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động
về công tác tại các xã, phường khi thực hiện mô hình chính quyền
địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán, Luật
Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử
dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ
Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15; Luật Viên chức số
58/2010/QH12; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức
và Luật Viên chức số 52/2019/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng
12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà
nước; số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 về hợp đồng đối với một
số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; số
78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện
pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7
tháng 2025 của Chính phủ;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 40/2017/TT-BTC
ngày 28 tháng 4 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; số
12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 quy định chế độ công
tác phí, chế độ chi hội nghị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;*

Căn cứ Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Xét Tờ trình số 8181/TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về công tác tại các xã, phường khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 962/BC-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về công tác tại các xã, phường khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ (gọi tắt là người lao động) trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu được cấp có thẩm quyền điều động đến công tác tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh do thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, Hội được giao biên chế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu được điều động công tác tại các xã, phường (trừ viên chức, người lao động ngành giáo dục; lực lượng vũ trang; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan ngành dọc của bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh).

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách

1. Đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời, công khai, minh bạch, dân chủ.
2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được hưởng hỗ trợ và chịu trách nhiệm về việc thực hiện chính sách ở cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết này khi thanh toán các chế độ, chính sách phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi công tác và được chi trả hằng tháng cùng thời điểm chi trả lương; khoản hỗ trợ này không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và không làm căn cứ tính các chế độ, phụ cấp khác.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ chi phí đi lại

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các xã, phường được cấp có thẩm quyền điều động đến công tác tại các xã, phường; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ tỉnh, từ huyện, thành phố (trước khi sáp nhập) được điều động đến nhận công tác tại xã, phường được hỗ trợ chi phí đi lại theo khoảng cách từ nơi cư trú đến trụ sở làm việc như sau:

- a) Từ 15 km đến dưới 50 km: 300.000 đồng/người/tháng.
- b) Từ 50 km đến dưới 100 km: 500.000 đồng/người/tháng.
- c) Từ 100 km trở lên: 700.000 đồng/người/tháng.

2. Hỗ trợ chỗ ở

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được điều động đến công tác tại xã, phường nếu khoảng cách từ nơi cư trú đến trụ sở làm việc từ 15 km trở lên và không được bố trí nhà ở công vụ được hỗ trợ chỗ ở 800.000 đồng/người/tháng.

Điều 5. Thời gian không được hưởng hỗ trợ

1. Thời gian đi công tác, làm việc, học tập đào tạo tập trung không làm việc trực tiếp ở xã, phường liên tục kéo dài 01 tháng.
2. Thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục kéo dài 01 tháng.
3. Thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội.
4. Thời gian bị tạm đình chỉ công tác, tạm giữ, tạm giam.

Điều 6. Thời gian hỗ trợ; nguồn kinh phí thực hiện

1. Thời gian hỗ trợ: Chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thực hiện trong 24 tháng kể từ thời điểm Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện Nghị quyết này do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm

của các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và hết hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XV, kỳ họp thứ ba mươi lăm thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND; Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ